

TỔNG CÔNG TY
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2022

Số: 543/MB - TCKT
V/v: CBTT Báo cáo tài chính
06 tháng đầu năm 2022 (đã kiểm toán)

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc
2. Mã chứng khoán: PMB
3. Địa chỉ Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: 024.35378256 Fax: 024.35378255
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Trần Nguyễn - Phó Giám đốc
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2022 của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Bắc đã được Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam kiểm toán.
 - 6.2 Giải trình LNST chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước:
Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2022 tăng hơn 10% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021, do nguyên nhân sau:
 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch 06 tháng đầu năm 2022 tăng 15% so với cùng kỳ năm 2021;
 - Chi phí bán hàng, quản lý giảm 4,2% so với cùng kỳ năm 2021.
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.pmb.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

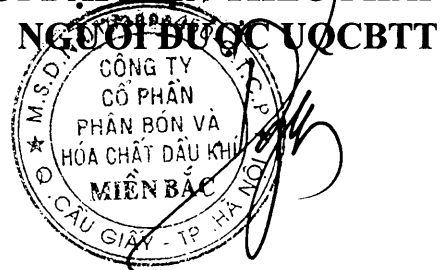
Nơi nhận; *HN*

- Như trên;
- HĐQT, BKS, GD (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.

Đính kèm:

BCTC 06 tháng đầu năm 2022 (đã kiểm toán)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY BAN



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Trần Nguyễn

Deloitte.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
MIỀN BẮC
(Tập thể tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch
Ông Lương Anh Tuấn	Ủy viên
Ông Tạ Quốc Phương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Lương Anh Tuấn	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc
Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ MIỀN BẮC

Tầng 4, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam

167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lương Anh Tuấn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 10 tháng 8 năm 2022, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phan Ngọc Anh

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1101-2018-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		225.700.084.009	213.779.952.289
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	114.348.396.939	122.829.837.489
1. Tiền	111		34.526.207.709	26.563.908.040
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.822.189.230	96.265.929.449
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		20.985.414.578	39.606.623.669
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	6.488.205.489	13.872.354.942
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	14.317.319.185	25.253.827.700
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		179.889.904	480.441.027
III. Hàng tồn kho	140	7	89.446.593.440	51.015.360.489
1. Hàng tồn kho	141		89.446.593.440	51.015.360.489
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		919.679.052	328.130.642
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	875.239.389	328.130.642
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44.439.663	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.673.885.888	15.622.346.755
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		72.000.000	65.374.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		72.000.000	65.374.000
II. Tài sản cố định	220		7.365.206.930	9.132.669.269
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	7.334.597.130	9.094.299.842
- Nguyên giá	222		41.806.522.625	42.078.422.625
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.471.925.495)	(32.984.122.783)
2. Tài sản cố định vô hình	227		30.609.800	38.369.427
- Nguyên giá	228		95.613.600	95.613.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.003.800)	(57.244.173)
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.236.678.958	6.424.303.486
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	3.236.678.958	4.651.039.379
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	1.773.264.107
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		236.373.969.897	229.402.299.044

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		60.117.745.546	67.186.025.195
I. Nợ ngắn hạn	310		60.117.745.546	67.186.025.195
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	4.874.552.621	13.181.976.059
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	1.755.707.299	22.648.921.564
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.258.030.678	6.515.899.035
4. Phải trả người lao động	314		362.507.326	296.568.445
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	7.164.161.934	8.866.320.533
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	30.273.402.575	4.933.494.751
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.429.383.113	10.742.844.808
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		176.256.224.351	162.216.273.849
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	176.256.224.351	162.216.273.849
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	120.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.032.669.580	10.032.669.580
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		46.223.554.771	32.183.604.269
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		30.402.232.643	1.461.721.258
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		15.821.322.128	30.721.883.011
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		236.373.969.897	229.402.299.044

Hm

Nguyễn Tiến Hưng
 Người lập biểu

Uang

Hoàng Thị Thu Hằng
 Kế toán trưởng



Lương Anh Tuấn
 Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

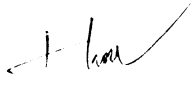
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

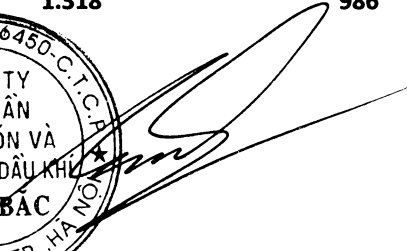
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	18	1.537.774.646.886	942.482.924.908
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	31.318.096.771	26.386.365.551
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	19	1.506.456.550.115	916.096.559.357
4. Giá vốn hàng bán	11	19	1.453.246.263.879	869.748.330.260
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		53.210.286.236	46.348.229.097
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		356.967.077	708.588.613
7. Chi phí tài chính	22		328.145.205	448.849.315
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		328.145.205	448.849.315
8. Chi phí bán hàng	25	21	20.875.734.187	23.326.763.543
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	7.654.170.222	6.466.006.820
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		24.709.203.699	16.815.198.032
11. Thu nhập khác	31		25.525.126	1.690.074.477
12. Chi phí khác	32		13.913.000	10.789.645
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		11.612.126	1.679.284.832
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		24.720.815.825	18.494.482.864
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	3.170.899.058	861.463.550
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	22	1.773.264.107	2.837.433.023
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		19.776.652.660	14.795.586.291
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.318	986


Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu


Hoàng Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng


Lương Anh Tuấn
Giám đốc



Ngày 10 tháng 8 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	24.720.815.825	18.494.482.864
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.767.462.339	1.829.127.114
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.977.273)	(720.931.340)
Chi phí lãi vay	06	328.145.205	448.849.315
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	26.809.446.096	20.051.527.953
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	18.570.143.428	(88.897.806.720)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(38.431.232.951)	(43.612.660.563)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.057.849.671)	122.939.776.749
Giảm chi phí trả trước	12	867.251.674	1.018.798.164
Tiền lãi vay đã trả	14	(328.145.205)	(448.849.315)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.867.867.341)	(5.018.075.224)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.050.163.853)	(1.701.618.078)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(8.488.417.823)	4.331.092.966
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(46.943.600)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.977.273	23.132.372
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-	756.658.080
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	6.977.273	732.846.852

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

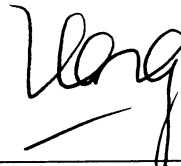
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	189.910.000.000	220.850.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(189.910.000.000)	(220.850.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(8.481.440.550)	5.063.939.818
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	122.829.837.489	114.287.343.799
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	114.348.396.939	119.351.283.617



Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu



Hoàng Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Lương Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc ("Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 11 ngày 08 tháng 05 năm 2020 (cấp lần đầu ngày 19 tháng 8 năm 2008) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 ngày 19 tháng 8 năm 2008.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty"). Công ty mẹ của cả Tập đoàn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 68 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 66 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn, bán lẻ phân bón (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn, bán lẻ hóa chất được phép lưu hành (không bao gồm hóa chất thú y, hóa chất y tế và hóa chất bảo vệ thực vật); Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm); Tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa; Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh dịch vụ kho bãi; Bán buôn hàng nông, lâm sản nguyên liệu (trừ loại lâm sản Nhà nước cấm); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; Dịch vụ tư vấn hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (trừ loại Nhà nước cấm).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Công ty đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	3 - 15
Máy móc thiết bị	4
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 4
Tài sản cố định khác	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị bản quyền trang web và thiết bị bảo vệ mạng Internet, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bản quyền trang web và thiết bị bảo vệ mạng Internet được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Thuê tài sản

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê văn phòng, thuê kho trả trước thể hiện số tiền thuê văn phòng cho nhiều kỳ đã được thanh toán cho bên cho thuê. Tiền thuê văn phòng, thuê kho được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và chi phí trả trước khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng tối đa không quá ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.



Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tiền mặt	435.558.786	142.357.931
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	34.090.648.923	26.421.550.109
Các khoản tương đương tiền (*)	79.822.189.230	96.265.929.449
	<u>114.348.396.939</u>	<u>122.829.837.489</u>

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3% đến 3,85%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 lãi suất từ 3% đến 3,3%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.754.348.957	6.684.702.464
Công ty TNHH Thương mại Phong Trang	638.264.846	643.615.946
Công ty TNHH Việt Mỹss	517.423.962	75.214.948
Xí nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng hợp đường 8 - Chi nhánh CTCP Lương thực Hà Tĩnh	448.935.522	32.222.960
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Nam Hằng	261.084.780	92.147.220
Công ty TNHH Văn Hường	192.028.788	109.806.043
Công ty Cổ phần Phùng Hưng	31.547.340	5.452.725.468
Các khách hàng khác	644.571.294	781.919.893
	<u>6.488.205.489</u>	<u>13.872.354.942</u>
Trong đó:		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 24)	<u>3.754.348.957</u>	<u>6.688.772.464</u>

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

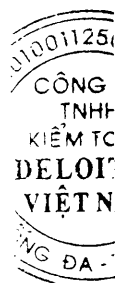
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14.190.241.045	24.743.377.300
Các nhà cung cấp khác	127.078.140	510.450.400
	14.317.319.185	25.253.827.700
Trong đó:		
Trả trước cho các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 24)	14.190.241.045	24.743.377.300

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND		Số đầu kỳ VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	102.191.893	-	89.468.657	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.034.212.637	-	-	-
Hàng hoá	87.310.188.910	-	50.925.891.832	-
	89.446.593.440	-	51.015.360.489	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	875.239.389	328.130.642
	875.239.389	328.130.642
Dài hạn		
Tiền thuê văn phòng, thuê kho	2.363.849.449	3.547.395.469
Chi phí trả trước dài hạn khác	872.829.509	1.103.643.910
	3.236.678.958	4.651.039.379



10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Công ty TNHH Tân Đại Thành	1.010.398.788	1.010.398.788	-	-
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	458.656.398	458.656.398	640.105.494	640.105.494
Công ty TNHH Thương mại và Phát triển Phúc Long	446.014.054	446.014.054	409.929.178	409.929.178
Công ty TNHH Việt Mỹ	-	-	1.563.884.063	1.563.884.063
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Cường Liên	-	-	1.022.328.000	1.022.328.000
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Nam Hằng	30.832.785	30.832.785	784.500.000	784.500.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Thiệu Yên Thanh Hoá	11.778.949	11.778.949	719.037.001	719.037.001
Xí nghiệp Kinh doanh Lương thực Tổng hợp đường 8 - Chi nhánh CTCP Lương thực Hà Tĩnh	3.273.949	3.273.949	1.402.972.500	1.402.972.500
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp, Xây dựng Anh Thái	3.273.949	3.273.949	607.698.065	607.698.065
Các nhà cung cấp khác	2.910.323.749	2.910.323.749	6.031.521.758	6.031.521.758
	4.874.552.621	4.874.552.621	13.181.976.059	13.181.976.059
Trong đó:				
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 24)	-	-	333.214.155	333.214.155

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại Thiệu Yên Thanh Hoá	751.616.714	415.817.297
Công ty TNHH Thương mại Ngọc Nhâm	501.995.808	38.638.961
Công ty TNHH Vật tư Nông nghiệp Nam Hằng	195.362.219	-
Công ty TNHH Văn Hường	123.321.618	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Tri Lịch	108.422.904	364.904
Công ty TNHH Việt Mỹ	30.500.000	21.187.500.000
Công ty Cổ phần Phân bón Phú Quý	25.926.301	390.690.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Tân An	3.314.937	97.272.814
Công ty TNHH Dịch vụ và Thương mại Quyết Hiên	7.937.780	63.475.000
Các khách hàng khác	7.309.018	455.162.588
	1.755.707.299	22.648.921.564

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	265.570.074	44.867.647	310.437.721	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.916.998.961	3.170.899.058	7.867.867.341	1.220.030.678
Thuế thu nhập cá nhân	333.330.000	1.345.633.312	1.640.963.312	38.000.000
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	6.515.899.035	4.564.400.017	9.822.268.374	1.258.030.678

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả cán bộ nhân viên Công ty	3.152.475.830	7.246.717.122
Chi phí xúc tiến thương mại	1.988.214.448	-
Chi phí thuê kho, bốc xếp	1.317.985.353	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	705.486.303	1.619.603.411
	7.164.161.934	8.866.320.533

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	27.332.183.081	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.600.000.000	2.800.000.000
Kinh phí công đoàn	63.153.756	59.176.314
Phải trả ngắn hạn khác	278.065.738	2.074.318.437
	30.273.402.575	4.933.494.751

Trong đó:

Phải trả khác là các bên liên quan
(chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 24)

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
	-	1.903.088.764

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại 01/01/2021	120.000.000.000	10.032.669.580	9.861.721.258	139.894.390.838
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	14.795.586.291	14.795.586.291
Trích từ lợi nhuận	-	-	(2.959.117.258)	(2.959.117.258)
Số dư tại 30/06/2021	120.000.000.000	10.032.669.580	21.698.190.291	151.730.859.871
Số dư tại 01/01/2022	120.000.000.000	10.032.669.580	32.183.604.269	162.216.273.849
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	19.776.652.660	19.776.652.660
Trích từ lợi nhuận (*)	-	-	(5.736.702.158)	(5.736.702.158)
Số dư tại 30/06/2022	120.000.000.000	10.032.669.580	46.223.554.771	176.256.224.351

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 30/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022, Công ty thực hiện trích lập bổ sung quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 1.781.371.626 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo phê duyệt, đồng thời tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền 3.955.330.532 đồng tương ứng với 20% phần lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102886450 thay đổi lần thứ 11 ngày 8 tháng 5 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 120.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Vốn đã góp</u> <u>Số đầu kỳ</u>
	VND	%	VND	VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	90.000.000.000	75%	90.000.000.000	90.000.000.000
Cổ đông khác	30.000.000.000	25%	30.000.000.000	30.000.000.000
	120.000.000.000	100%	120.000.000.000	120.000.000.000

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ	1.066.076.430	1.066.076.430

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có các khoản cam kết hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn		
Từ 1 năm trở xuống	2.132.152.860	2.446.695.577
Trên 1 năm đến 5 năm	-	1.223.347.789
	2.132.152.860	3.670.043.366

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê 568 m2 văn phòng và 55 m2 khu vực WC tại Tầng 4, tòa nhà Viện Dầu khí với giá thuê lần lượt là 296.235 VND/m2/tháng và 171.235 VND/m2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ 01 tháng 7 năm 2020.

Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Đơn vị</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phân bón và sản phẩm hoá chất giữ hộ Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí- Công ty Cổ phần	Tấn	10.117	11.947

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty chủ yếu là kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19.

Trong kỳ, các sản phẩm phân bón của Công ty được tiêu thụ chủ yếu ở khu vực miền Bắc, Công ty không có hoạt động xuất khẩu, theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu Ure Phú Mỹ	1.178.571.600.000	611.770.330.000
Doanh thu hàng hóa khác	345.726.072.000	319.991.861.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.476.974.886	10.720.733.408
	1.537.774.646.886	942.482.924.908
Chiết khấu thương mại	31.318.096.771	26.386.365.551
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.506.456.550.115	916.096.559.357
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 24)	10.425.536.211	58.367.359.978

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Giá vốn Ure Phú Mỹ	1.135.816.353.605	575.458.840.773
Giá vốn hàng hóa khác	305.419.952.150	285.057.559.077
Giá vốn cung cấp dịch vụ	12.009.958.124	9.231.930.410
	1.453.246.263.879	869.748.330.260

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.451.232.628	23.889.071.521
Chi phí nhân công	12.385.300.918	13.332.080.293
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.767.462.339	1.829.127.114
Chi phí khác	7.801.577.440	6.862.815.276
	43.405.573.325	45.913.094.204

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên bán hàng	7.780.992.962	9.192.955.675
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.716.706.958	6.100.088.777
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.465.386.441	1.460.757.412
Chi phí công cụ dụng cụ	198.338.053	52.855.810
Các khoản chi phí bán hàng khác	6.714.309.773	6.520.105.869
	20.875.734.187	23.326.763.543
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	4.604.307.956	4.139.124.618
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.858.856.754	1.668.658.903
Chi phí khấu hao tài sản cố định	302.075.898	368.369.702
Chi phí đồ dùng văn phòng	114.303.745	61.415.873
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	771.625.869	225.437.724
	7.654.170.222	6.466.006.820

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.170.899.058	861.463.550
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.170.899.058	861.463.550

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	24.720.815.825	18.494.482.864
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Chiết khấu thương mại tạm tính và chi phí trích kỳ trước đã đủ điều kiện ghi nhận kỳ này</i>	8.866.320.533	14.187.165.114
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	15.854.495.292	4.307.317.750
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.170.899.058	861.463.550
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.773.264.107	2.837.433.023
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.773.264.107	2.837.433.023

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	19.776.652.660	14.795.586.291
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(3.955.330.532)	(2.959.117.258)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	15.821.322.128	11.836.469.033
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.318	986

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Trung	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ	Công ty cùng Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ và Thương mại Tổng hợp Thanh Sơn	Cổ đông của Công ty

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này</u> VND	<u>Kỳ trước</u> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.425.536.211	58.367.359.978
Công ty TNHH Bằng Tuyên	Không còn là bên liên quan	18.770.632.900
Công ty Cổ phần Thương mại Thành Nam	Không còn là bên liên quan	31.485.794.450
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	10.425.536.211	8.110.932.628
Giá trị mua hàng và dịch vụ cung cấp	1.452.268.276.250	856.097.996.250
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.452.268.276.250	856.097.996.250
Nhận chiết khấu	18.482.556.350	8.769.885.325
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	18.482.556.350	8.769.885.325

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Phải thu khách hàng	3.754.348.957	6.688.772.464
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.754.348.957	6.684.702.464
Công ty TNHH Bằng Tuyên	Không còn là bên liên quan	4.070.000
Trả trước cho người bán	14.190.241.045	24.743.377.300
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14.190.241.045	24.743.377.300
Phải trả người bán	-	333.214.155
Công ty TNHH Bằng Tuyên	Không còn là bên liên quan	331.200.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Trung	-	2.014.155
Phải trả ngắn hạn khác	-	1.903.088.764
Công ty TNHH Bằng Tuyên	Không còn là bên liên quan	103.088.764
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	1.800.000.000

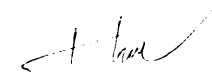


Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị:

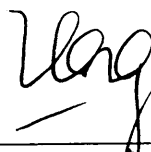
	<u>Chức vụ</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
		<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Bà Nguyễn Thị Hồng Dung	Chủ tịch	752.748.216	649.271.792
- Ông Lương Anh Tuấn	Thành viên/ Giám đốc	682.607.809	563.018.745
- Ông Nguyễn Quang Đoàn	Phó Giám đốc	619.972.711	553.751.224
- Ông Phạm Trần Nguyễn	Phó Giám đốc	603.771.448	500.876.514
- Ông Tạ Quốc Phương	Thành viên	32.000.000	-
		<u>2.691.100.184</u>	<u>2.266.918.275</u>

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, Công ty Cổ phần Phân bón và Hoá chất Dầu khí Miền Bắc đã thông báo theo Thông báo số 506/TB-MB về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền vào ngày 18 tháng 8 năm 2022. Theo nghị quyết số 93/NQ-MB được công bố vào ngày 27 tháng 7 năm 2022, thời gian Công ty bắt đầu chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền với tổng giá trị là 20.400.000.000 đồng (1.700 đồng/cổ phiếu) từ ngày 05 tháng 9 năm 2022. Tới ngày phát hành báo cáo này, Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức năm 2021.



Nguyễn Tiến Hưng
Người lập biểu



Hoàng Thị Thu Hằng
Kế toán trưởng



Lương Anh Tuấn
Giám đốc

Ngày 10 tháng 8 năm 2022

